

ĐỀ ÔN TẬP HKI SỐ 3

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (3,0 điểm)

Câu 1 : Căn bậc hai số học của 49 là ?

- A. 7 B. $-\frac{49}{2}$ C. $\frac{49}{2}$ D. 7^2

Câu 2 : Số nào là số vô tỉ trong các số sau :

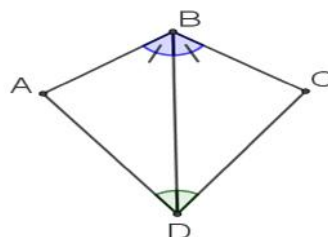
- A. 10 B. $\sqrt{10}$ C. $\sqrt{100}$ D. $\frac{100}{10}$

Câu 3 : Cho $|x| = \frac{1}{2}$ thì giá trị của x là :

- A. $x = \frac{1}{2}$ B. $x = -\frac{1}{2}$ C. $x = \frac{1}{2}$ hoặc $x = -\frac{1}{2}$ D. $x = 0$

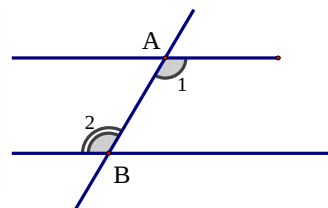
Câu 4 : Trong hình vẽ bên, tia phân giác của $\widehat{ABC}$ là:

- A. Tia DB. B. Tia BD.
C. Tia AD. D. Tia DC.



Câu 5 : Quan sát hình bên và chọn câu khẳng định đúng nhất

- A. $\widehat{A_1}$ và $\widehat{B_2}$ là vị trí đối đỉnh B. $\widehat{A_1}$ và $\widehat{B_2}$ là vị trí kề bù
C. $\widehat{A_1}$ và $\widehat{B_2}$ là vị trí so le trong D. $\widehat{A_1}$ và $\widehat{B_2}$ là vị trí đồng vị.

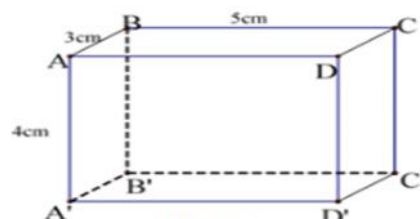


Câu 6 : Tính giá trị của biểu thức: $5 - \left| -\sqrt{9} \right| - \frac{5}{\sqrt{4}}$

- A. -1,5 B. $-\frac{3}{2}$ C. $-\frac{1}{2}$ D. 3

Câu 7 : Cho hình hộp chữ nhật như hình 2. Thể tích hình hộp chữ nhật :

- A. 15 cm^3 B. 20 cm^3 C. 32 cm^3 D. 60 cm^3



Hình 2

Câu 8 : So sánh hai số $\frac{2}{\sqrt{7}}$ và $\frac{2}{\sqrt{11}}$

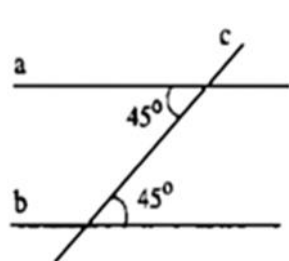
A. $\frac{2}{\sqrt{7}} = \frac{2}{\sqrt{11}}$.

B. $\frac{2}{\sqrt{7}} > \frac{2}{\sqrt{11}}$.

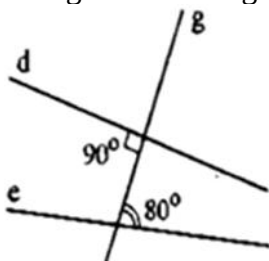
C. $\frac{2}{\sqrt{7}} < \frac{2}{\sqrt{11}}$.

D. Tất cả đều sai.

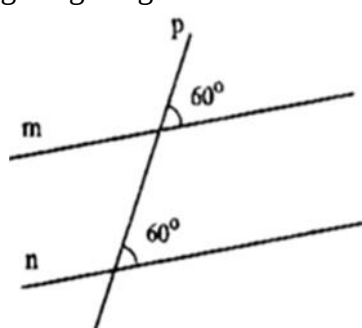
Câu 9 : Hình vẽ nào sau đây không có hai đường thẳng song song?



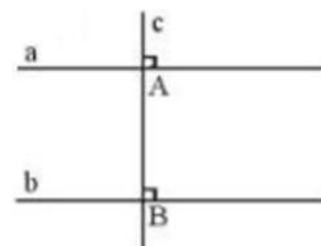
hình 1



hình 2



hình 3



hình 4

A. hình 1.

B. hình 2

C. hình 3.

D. hình 4.

II. PHẦN TỰ LUẬN: (7,0 điểm)

Bài 1: (0,5 điểm) Tìm giá trị tuyệt đối và số đối của các số thực sau -12 ; $\frac{5}{4}$; $-\sqrt{5}$; $3,7(89)$.

Bài 2: (1,5 điểm) Thực hiện phép tính

a) $\sqrt{50} - 3^2 + \left| -\frac{4}{5} \right| + \frac{7}{\sqrt{49}}$

b) $\left(-\frac{3}{4} \right)^2 + \sqrt{81} : \frac{1}{2} - \left| \frac{-5}{6} \right| + \sqrt{\frac{1}{16}}$

Bài 3: (1,0 điểm) Tìm x

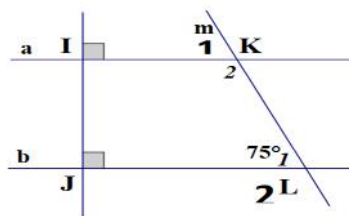
a) $\frac{2}{3}x - \frac{1}{2} = \frac{5}{4}$

b) $|3 - 2x| + \frac{2}{3} = \frac{1}{2}$

Bài 4: (1,5 điểm) Cho hình vẽ biết $\widehat{L_1} = 115^\circ$

a) Chứng minh $a \parallel b$

b) Tính số đo tất cả các góc ở đỉnh K



Bài 5: (0,75 điểm) Làm tròn số theo yêu cầu

a) 15,679 làm tròn đến hàng phần chục.

b) $\sqrt{50}$ làm tròn chẵn số thập phân phân hai. c) Làm tròn số 1234567 với $d = 10000$

Bài 6: (0,75 điểm) Với 2 góc kề bù $\widehat{AOB}$ và $\widehat{BOC}$ biết $\widehat{AOB} = 120^\circ$

a) Tính số đo $\widehat{BOC}$

b) Với tia OD là tia phân giác $\widehat{AOB}$ và tia OE là tia phân giác $\widehat{BOC}$ Tính số đo $\widehat{DOE}$

Bài 7 : (1,0 điểm) Cô Mai mua 300 quyển sách với giá 80000 đồng/quyển.

– 100 quyển đầu bán với giá mỗi quyển lãi 20%.

– 50 quyển tiếp theo bán đúng giá vốn.

– Số còn lại bán lãi 15% giá vốn.

a) Tính tổng số tiền cô Mai thu được sau khi bán hết số sách.

b) Nếu 150 quyển đầu được bán với giá 96000 đồng/quyển, tính giá bán trung bình của số quyển còn lại để cô Mai lãi 50% so với giá vốn.